

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

NHỮNG GHI CHÉP LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM TRONG PHƯƠNG CHÍ TRUNG HOA

Phạm Hoàng Quân*

Lời Tòà soạn. Khảo luận này là một phần trong công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Hoàng Quân. Nội dung chủ yếu của công trình là khảo chứng những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong các bộ *chính sử*, *phương chí* và *địa đồ cổ* của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Mục đích của công trình một mặt nhằm sưu tập và khảo chứng các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông để phục vụ lâu dài cho việc nghiên cứu về biển, đảo Việt Nam, mặt khác, nó còn cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống về cương vực vùng biển cực nam của Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, người đọc dễ dàng nhận thấy các yêu sách của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay về đường lưỡi bò trên biển Đông là hoàn toàn không có căn cứ lịch sử. Phần đầu của công trình này với nhan đề “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1(84).2011.

Đề dẫn

Chủ đề về phương chí Trung Hoa đã được trình bày tổng quan và in trên một tuần san trước đây,⁽¹⁾ khảo luận này được phát triển trên cơ sở ấy, với hai mục đích. Thứ nhất, nhằm tìm hiểu về một loại hình trữ tác rất đặc biệt trong kho thư tịch cổ Trung Hoa; thứ hai, nhằm vào việc sưu tập và nghiên cứu các tư liệu cổ **liên quan đến biển Đông**.

Xét về giá trị, phương chí là loại sách lịch sử địa lý tối trọng yếu trong kho tàng văn hiến Trung Hoa, thường được biên soạn công phu, in ấn với số lượng rất hạn chế và bị mất mát cũng khá nhiều, các nước phương Tây và Nhật xem loại sách này như là những tài liệu cơ bản để nghiên cứu địa-chính trị cổ đại. Thống kê năm 1958 của Chu Sĩ Gia trong *Trung Quốc địa phương chí tổng lục* cho thấy 41 thư viện lớn ở đại lục giữ được 7.413 tựa (109.143 quyển), phần lớn tập trung ở Bắc Kinh,⁽²⁾ việc thu thập phương chí cổ vẫn duy trì và đến năm 1985, tổng số tăng thêm với khoảng 8.200 tựa.⁽³⁾ Những năm chiến tranh cuối Thanh đầu Dân Quốc, khoảng hai phần ba số sách phương chí cổ đã về tay người nước ngoài. Theo những số liệu thống kê trước năm 1980, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ giữ 3.750 tựa (khoảng 60.000 quyển), Thư viện Viện Yên Kinh, Đại học Harvard giữ 3.525 tựa, Thư viện Viễn Đông, Đại học Chicago giữ 2.700 tựa, thư viện các đại học Anh Quốc giữ 2.516 tựa, thư viện các đại học Nhật Bản giữ 2.866 tựa, thư viện các đại học châu Âu giữ 2.590 tựa...⁽⁴⁾ Trước đây, ông Joseph Needham,⁽⁵⁾ một chuyên gia về lịch sử văn minh Trung Hoa, Hội trưởng Hiệp hội tìm hiểu Anh-Trung tại Anh Quốc nói: “Nền văn hóa cổ đại của Hy Lạp cho đến cận đại của Anh Quốc đều không để lại được trong kho tàng văn hiến của mình một loại hình trữ tác nào tương tự như phương chí Trung Quốc”.⁽⁶⁾

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, các chuyên mục địa lý chỉ trong chính sử tuy liên tục và có hệ thống, nhưng chỉ chú trọng địa lý hành chính,⁽⁷⁾ muốn tìm hiểu cặn kẽ và chi tiết về hiện trạng tự nhiên và nhiều mặt hoạt động của những địa phương thì phải tìm đến phương chí. Phương chí là nơi chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về núi sông thành trấn, đường sá thủy bộ, dữ liệu kinh tế, tình hình văn hóa, nhân vật..., với những đặc tính mang nhiều ưu điểm như vậy, phương chí cũng được xem là sách lịch sử địa phương. Loại hình phương chí ra đời sau chính sử [địa lý chí], sau các chuyên thư về địa lý - du ký và sau việc soạn vẽ địa đồ, và do phối hợp, phát triển từ các loại hình này cộng thêm việc ghi chép chi tiết về tình hình xã hội, kinh tế và văn hóa nên dần dần nó trở thành loại sách công cụ để các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương theo dõi tình hình đất đai, nhân sự, công sở, binh bị, giao thông, văn hóa, kinh tế, sản vật... thuộc địa bàn được đề cập.

Trong khảo luận này, tôi sẽ giới thiệu tổng quan về các bộ phương chí được thực hiện theo chỉ dụ của hoàng đế các triều đại Trung Hoa, cùng với những phương chí tư tuyển nhưng được triều đình thừa nhận và được học giới đề cao. Về *tổng chí* sẽ khảo sát các bộ qua các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh; về *thông chí* sẽ khảo sát các bộ thuộc địa bàn Quảng Đông; về *địa phương chí* sẽ khảo sát bộ viết về đảo Quỳnh Châu. Bên cạnh phần tổng quan là phần trích dịch các phần/mục có liên quan đến cương giới biển phía cực nam Trung Hoa. Do đặc tính kế thừa trong việc biên soạn phương chí, nhiều nội dung bị trùng lặp sẽ chỉ chọn dịch mẫu đại diện.

Khảo luận gồm các nội dung sau:

I. Khái niệm và đặc tính phương chí

II. Tổng chí

III. Thông chí

IV. Địa phương chí

V. Tổng luận

Phụ lục: Một số trang chụp sách phương chí cổ

Thư mục tham khảo

I. Khái niệm và đặc tính phương chí

Phương chí 方志 [誌], với nghĩa *chép rõ về một nơi*, là thuật ngữ để gọi chung cho loại sách lịch sử địa lý mang tính đặc thù của Trung Quốc. Tên gọi *phương chí* được biết đến sớm nhất qua sách *Chu lễ* 周禮, thiên Địa quan 地官, trong sách này cho biết chức quan Thổ huấn 土訓 coi về *địa đồ*, chức quan Tụng huấn 誦訓 coi về *phương chí*. Trong bối cảnh thời nhà Chu, phương chí được hiểu giới hạn trong việc thu thập thông tin về sông núi, phong tục, vật sản, ngôn ngữ bốn phương gần xa, ở triều đình, quan Tụng huấn có nhiệm vụ giải đáp thắc mắc cho hoàng đế trong lĩnh vực này, khi hoàng đế đi tuần, quan Thổ huấn và quan Tụng huấn đi hầu bên xe.⁽⁸⁾ Phương Tây cũng có loại hình trí tác gần giống với phương chí Trung Hoa là loại sách nghiên cứu khu vực [regional study], tuy nhiên việc phân bố đề mục và tiêu chí thu thập tư liệu giữa hai loại có nhiều điểm khác biệt. Do không có thuật ngữ tương đương

nên trong Anh ngữ, từ *phương chí* thường được chuyển ngữ theo hình thức nắm bắt tính chất, có khi là *gazetteer* [trong hệ thống thư mục của Harvard-Yenching, 1975], hoặc *local topography* [Joseph Needham, 1959; Oxford, A. S. Hornby, 1977], hoặc *local records* [Chinese-English Dictionary, CPI, 2007], hoặc *local gazetteer* [Chen, Hong Kong, 1965],⁽⁹⁾ hoặc *the economic development and geographical changes* [Chen, W. Germany, 1962].⁽¹⁰⁾ Trong tiếng Việt, xưa dùng các từ *dư địa chí*, *chí*, nay thông dụng từ *địa chí*, các từ này có thể xem là tương ứng với *phương chí*.

Về đại thể, có thể chia phương chí làm 3 loại: 1) tổng chí 總志 (chép về cả nước); 2) thông chí 通志 (chép về một tỉnh); 3) địa phương chí 地方志 (chép về phủ, sảnh, châu, huyện, hương, trấn...). Phần nhiều các bộ tổng chí và thông chí được tiến hành qua chỉ dụ của hoàng đế, được thực hiện bởi sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của các đại thần và quan đứng đầu địa phương. Các địa phương chí thì được thực hiện tự phát, thường là bởi các vị quan trấn nhậm tài giỏi có tinh thần chú trọng thực học, họ biên soạn địa phương chí với nhu cầu đào luyện và phát huy kiến thức, khi hoàn thành, đa số các công trình này được dâng lên hoàng đế xem xét, những bộ địa phương chí tốt sẽ được sử dụng như là tài liệu tham khảo cho hoàng đế và đình thần, một mặt cũng làm cơ sở dữ liệu cho việc biên soạn tổng chí hoặc thông chí và tác giả của chúng được xem là người cai trị nắm bắt sâu sát tình hình địa phương với sự ưu ái hơn trong việc đề bạt thăng tiến.

Tổng chí tương đối hoàn chỉnh [*Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, năm 813] xuất hiện sau loại hình chính sử [*Sử ký*, năm 122 TCN] gần một ngàn năm. Thông chí khá hoàn chỉnh của một số tỉnh được thực hiện thời Minh, cho khắp các tỉnh toàn Trung Hoa được lệnh thực hiện năm 1729 [Thanh, Ung Chính năm thứ 7], nhiều bộ thông chí được soạn nối thêm [tục tu, trùng tu] đến 5, 6 lần.

Trong thư mục truyền thống [kinh-sử-tử-tập], phương chí các loại thuộc Sử bộ, Địa lý loại; tổng chí xếp vào Địa lý loại-Tổng chí, thông chí và địa phương chí xếp vào Địa lý loại-Đồ hội quận huyện.⁽¹¹⁾ Thư viện Đại học Thanh Hoa phối hợp phương pháp phân loại thập tiến Dewey với phương pháp phân loại truyền thống kinh-sử-tử-tập, xếp loại sách phương chí thuộc Sử bộ, tổng chí vào nhóm mã số 300, thông chí và địa phương chí vào nhóm mã số 310. Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ xếp phương chí vào nhóm Địa lý và Nhân loại học [nhóm ký hiệu G].⁽¹²⁾ Thư viện Quốc hội và các đại học Nhật Bản xếp phương chí vào nhóm Sử [nhóm VII], loại Dư địa [loại 5].⁽¹³⁾

II. Tổng chí

Dựa vào tính chất và thể lệ trong nội dung thiên Vũ cống sách *Thượng thư*⁽¹⁴⁾ đã số học giả cho rằng đây là mô thức sơ khởi của loại hình tổng chí. Vũ cống xuất hiện trong bối cảnh nhà Hạ (2205-1766 TCN), nội dung viết rằng sau khi làm xong công việc trị thủy, “vua Vũ chia đất làm 9 châu, dựa theo thế núi, dẫn cây làm dấu, định các núi cao sông lớn”.⁽¹⁵⁾ Chín châu được phân chép cụ thể gồm: 1) Ký Châu 冀州, nay ở khoảng tỉnh Sơn Tây; 2) Duyện Châu 兗州, khoảng Sơn Đông; 3) Thanh Châu 青州, khoảng Sơn Đông; 4) Từ Châu 徐州, khoảng Giang Nam; 5) Dương Châu 揚州, khoảng

Giang Nam; 6) Kinh Châu 荊州, khoảng Hồ Nam và Hồ Bắc; 7) Dự Châu 豫州, khoảng Hà Nam; 8) Lương Châu 梁州, khoảng Tứ Xuyên; 9) Ung Châu 雍州, khoảng Thiểm Tây và Cam Túc. Mỗi châu chép về các đối tượng: mạch núi lớn, dòng chảy sông lớn, thổ nhưỡng, sản vật, thuế ruộng đất, giao thông và các tộc dân. Nhà Hạ trong lịch sử Trung Hoa thuộc vào thời đại nửa truyền thuyết nửa tín sử, và sách *Thượng thư* chỉ được biết đến vào thời Hán, tức chép lại sự việc lưu truyền từ hai ngàn năm trước, vì vậy chỉ nên xem *Thượng thư* là nơi bày tỏ thế giới quan của người thời Tần, Hán. Tên gọi “Vũ cống” với nghĩa “việc nộp cống thời vua Vũ”, qua việc phân hoạch vùng miền để áp định mức thuế, nội dung phần viết này gián tiếp diễn tả sơ lược nhưng có hệ thống tình hình địa lý tự nhiên và nhân văn của nước Trung Hoa thời nhà Hạ. Lời văn trong thiên Vũ cống ngắn gọn, việc phân bố đất đai thành chín **châu** được coi là mô thức để các triều đại sau này phân cấp **bộ, châu, đạo** và hiện nay gọi là **tỉnh**, các ghi chép phản ánh tình hình của từng châu như được tuân thủ theo một đề cương nhất quán, tạm đủ để người sau dựa vào đó mà triển khai thành mô hình tổng chí.

Từ Hán đến Tùy, các ghi chép theo mô hình tổng chí đều không còn, trong bộ chính sử *Tùy thư*, phần Kinh tịch chí còn lưu vài tên sách và trong lời bạt cho tiểu mục sử bộ-địa lý loại cũng dẫn hai bộ tổng chí tiêu biểu đương thời là *Khu vũ đồ chí* và *Chư châu đồ kinh*.⁽¹⁶⁾ Năm Đại Nghiệp thứ 5 (609), Thôi Trách nhận chiếu thực hiện *Khu vũ đồ chí* 區宇圖志, 250 quyển, khi hoàn thành, Tùy Dạng Đế cho là chưa đạt, lại lệnh cho Ngưu Thế Cơ 牛世基 và Hứa Thiện Tâm 許善心 soạn thêm, tăng lên thành 600 quyển.⁽¹⁷⁾ *Khu vũ đồ chí* nay không còn, các ghi chép về nó như tên tác giả, số quyển cũng bất nhất, người thời Thanh là Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư* sao viết một đoạn văn mô tả *Khu vũ đồ chí* và chỉ sưu tập được 3 điều từ sách này do *Thái Bình ngự lãm* trích lục và 3 điều do *Thái Bình hoàn vũ ký* trích lục.⁽¹⁸⁾ *Chư châu đồ kinh* 諸州圖經 hay còn gọi là *Tùy châu quận đồ kinh*, 100 quyển 隋州郡圖經一百卷 của Lang Uy Chi 郎蔚之 còn lưu lại được phần nội dung khá hơn *Khu vũ đồ chí*, trong *Thái Bình ngự lãm* giữ được 120 điều, *Thái Bình hoàn vũ ký* giữ được 128 điều và *Dư địa quảng ký* giữ được 9 điều, *Sự văn loại tụ* giữ được 1 điều, cộng chung trong 62 trang bản in khắc.⁽¹⁹⁾ Các điều còn sót lại từ *Chư châu đồ kinh* lẻ mẻ, không trọn vẹn cho châu, quận nào, có nhiều chi tiết cho thấy do người thời Đường chép thêm vào⁽²⁰⁾ và không có điều mục liên quan đến cương giới cực nam.

Thời Đường, tổng chí khá hoàn chỉnh đầu tiên được biên soạn vào đời Đường Hiến Tông 唐憲宗, do Tể tướng Lý Cát Phủ 李吉甫, làm xong năm 813, nhằm năm Nguyên Hòa thứ 8, nhân đó gọi tên *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*.⁽²¹⁾ Lý Cát Phủ (758- 814) tự Hoàng Hiến 弘憲, người huyện Tấn Hoàng, đạo Hà Bắc, từng giữ các chức Thái thường bác sĩ, Trung thư thị lang, nhiều năm trấn nhậm địa phương, hai lần giữ chức Tể tướng [vào năm Nguyên Hòa thứ 2 và thứ 6], Đại học sĩ Tập Hiền Viện, Giám tu quốc sử.

Nguyên Hòa quận huyện đồ chí 元和郡縣圖志 là tên gọi ban đầu, theo lời tựa của Lý Cát Phủ thì sách này có các địa đồ đính kèm, nên tên sách có chữ *đồ*, về sau, phần địa đồ không còn, nên cũng có nơi gọi *Nguyên Hòa*

quận huyện chí. Đây là bộ tổng chí được liệt hạng xưa nhất, gồm 40 quyển (nay chỉ còn 34 quyển), phản ánh cơ cấu hành chính 10 **đạo** đã thiết lập năm đầu Trinh Quán (627) và việc chuẩn định phân cấp **phủ, châu, huyện** vào năm Trinh Quán thứ 13 (639). Bộ cục sách lấy đơn vị hành chính cấp đạo, phủ làm *cương*, mô tả tổng quan lịch sử diên cách, địa giới hiện tại [tứ chí bát đảo], tổng số hộ, thuế thu bằng sản vật; kế đến là phân chép về từng châu, huyện, trong mỗi châu/huyện phân *mục* chép về khoảng cách đến lý sở chủ quản, dặm đường đến bốn nơi xung quanh, lịch sử diên cách, sông núi, thành trấn, di tích, vật sản. Bắt đầu là Kinh Triệu phủ 京兆府 [đế đô, Tây An] thuộc Quan Nội đạo 關內道 chép lần lượt các đạo, đến cuối cùng là Lũng Hữu đạo 隴右道. Lĩnh Nam đạo 嶺南道 phân chép trong 5 quyển [từ quyển 34 đến 38], Lĩnh Nam đạo 2 (quyển 35) nằm trong số 6 quyển đã mất, chỉ còn lưu được mục lục tên các châu, qua danh mục 15 châu này thấy có 5 châu Nhai 崖, Quỳnh 瓊, Chấn 振, Đàm 儋, Vạn An 萬安 là nằm trên phần đất đảo Hải Nam, so với Địa lý chí trong *Cựu Đường thư* thì số châu tương đồng.⁽²²⁾

Vài học giả thời Thanh đã tham khảo các tài liệu xuất hiện trước sau thời Đường để viết thêm bộ *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí* 元和郡縣補志⁽²³⁾ [sau đây gọi là *Bổ chí*] nhằm phục dựng 6 quyển đã mất trong *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*. *Bổ chí* hoàn thành năm Càn Long thứ 40 (1775) do hai cha con Nghiêm Quan 嚴觀, Nghiêm Tiến Phủ 嚴進甫 kế thừa sơ thảo của Uông Sĩ Hoành 汪士鋐.⁽²⁴⁾ *Bổ chí* cho thấy đảo Quỳnh [Hải Nam ngày nay] vào đời Đường gồm 5 châu Nhai, Quỳnh, Chấn, Đàm, Vạn An đều thuộc đạo Lĩnh Nam.

Trích dịch

- Trích mục lục *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí*:

“Lĩnh Nam đạo...

Nhai Châu, [3 huyện] Xá Thành, Trùng Mai, Văn Xương.

Quỳnh Châu, [5 huyện] Quỳnh Sơn, Lâm Cao, Tăng Khẩu, Lạc Hội, Nhan La.

Chấn Châu, [5 huyện] Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Đàm Châu, [5 huyện] Nghĩa Luân, Xương Hóa, Cẩm Ân, Lạc Trường, Phú La.

Vạn An châu, [4 huyện] Vạn An, Lăng Thủy, Phú Vân, Bác Liêu”.

[嶺南道... 崖州: 舍城, 澄邁, 文昌. 瓊州: 瓊山, 臨高, 曾口, 樂會, 顏羅. 振州: 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川, 落屯. 儋州: 義倫, 昌化, 感恩, 洛場, 富羅. 萬安州: 萬安, 陵水, 富雲, 博遼.]⁽²⁵⁾

- Trích dịch phần viết về châu Chấn [châu ở cực nam đảo Quỳnh]:

“Châu Chấn [Chấn Châu], 819 hộ. (Án):⁽²⁶⁾ Đất này với quận Châu Nhai cùng thuộc quận Lâm Chấn trong đời Tùy Đại Nghiệp, lại gọi quận Ninh Viễn. [Nhà Đường] năm Võ Đức thứ 5 [622] đặt *châu* Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm *quận* Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt trở lại là *châu* Chấn.

Địa giới, tám nơi đến:

Bắc đến Thượng Đô⁽²⁷⁾ 8.606 dặm

Bắc đến Đông Đô⁽²⁸⁾ 7.797 dặm

Đông đến châu Vạn An 160 dặm

Nam đến biển lớn 7 dặm

Tây đến châu Đam 420 dặm

Bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Đông nam đến biển lớn 27 dặm

Tây nam đến biển lớn 10 dặm

Tây bắc đến huyện Diên Đức 90 dặm

Đông bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Thuế nộp: vàng, mâm [nia] mây 5 màu, vải dệt sợi mộc miên [hoa gạo] để bày thức ăn.

Quản lý 5 huyện: Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Huyện Ninh Viễn. (Án): Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên đều là đất huyện Lâm Trần thuộc quận Uất Lâm thời Hán, thời Tùy có đặt diêm [trường] ở huyện này.

Sông Ninh Viễn đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn).⁽²⁹⁾

Huyện Diên Đức, phía tây đến châu trị 70 dặm.

(Án): huyện này đặt thời Tùy, thuộc châu Nhai; thời Đường thuộc châu Chấn.

Sông Diên Đức đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn).

Huyện Cát Dương, đông bắc đến châu trị 90 dặm.

Năm Trinh Quán thứ 2 [628] đặt làm huyện, tách từ Ninh Viễn (nguyên văn).

Huyện Lâm Xuyên, đông nam đến châu trị 80 dặm.

(Án): huyện đặt thời Tùy, thuộc châu Nhai. Vốn xưa là huyện Lâm Trần. Năm [Tùy] Khai Hoàng thứ 10 [590] lấy huyện này ban cho Tiễn Phu nhân ở Cao Châu làm ấp thang mộc, sau bỏ [lệnh ấy], trong niên hiệu Đại Nghiệp [605-617] lại đặt làm huyện. Thời Đường đổi tên huyện là Lâm Xuyên.

Huyện Lạc Đôn, đông bắc đến châu trị 200 dặm.

(Án): huyện này đặt sau niên hiệu Thiên Bảo [742-756]”.

[振州, 戶八百一十九. 案 土地所屬與珠崖郡同隋大業中爲臨振郡又曰寧遠郡. 武德五年置振州, 天寶元年仍爲臨振郡, 乾元元年復爲振州

州境, 八到

北至上都八千六百六里

北至東都七千七百九十七里

東至萬安州百六十里

南至大海七里

西至儋州四百二十里

北至瓊州四百五十里

東南至大海二十七里

西南至大海十里

西北至延德縣九十里

東北至瓊州四百五十里
 貢賦, 貢: 金, 五色藤盤, 斑布食單
 管縣五: 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川, 落屯
 寧遠縣, 案 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川皆漢臨塵縣地屬鬱林郡, 此縣隋置有鹽
 寧遠水去縣一里 原文
 延德縣, 西至州七十里. 案 隋置縣屬崖州唐屬振州
 延德水去縣一里 原文
 吉陽縣, 東北至州九十里. 貞觀二年析寧遠置 原文
 臨川縣, 東南至州八十里, 案 縣隋置屬崖州本臨塵故縣也開皇十年以縣賜高
 [州] 洗夫人爲湯沐邑後廢大業中又置唐改名臨川
 落屯縣, 東北至州二百里. 案 天寶後置]
 [元和郡縣補志, 卷八, 嶺南道, 頁 21, 22]⁽³⁰⁾

Cũng trong thời Đường, trước thời Nguyên Hòa đã có ba bộ tổng chí. Bộ thứ nhất là *Quát địa chí* [括地志] do Lý Thái [李泰] chủ biên, hoàn thành năm Trinh Quán thứ 16 (642), bộ này mất gần hết, nguyên tác 550 quyển nay chỉ còn 8 quyển. Bộ thứ hai là *Thập đạo thuật* [十道述] của Tể tướng Giả Đàm [賈耽], làm xong trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-804), cũng bị mất gần hết, những ghi chép tàn sót được tập hợp bởi Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư sao*, với tiêu đề *Giả Đàm quận quốc huyện đạo ký* [賈耽郡國縣道記]. Bộ thứ ba biết được qua tài liệu Đôn Hoàng, phần văn thư, số hiệu 518, bộ phận địa chí tàn sót có một xấp ghi chép mang hình thức tổng chí, các nhà khảo cổ xác định tài liệu này được làm ra trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-755), do đã mất phần tên sách, nên tài liệu này được học giả Hướng Đạt 向達 - người đầu tiên khảo sát - đặt tên là *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí*.⁽³¹⁾ Một khảo thích căn cứ của Vương Trọng Lạc về nhiều tài liệu phương chí tìm được ở động Đôn Hoàng được xuất bản năm 1993, trong đó *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí* được gọi là *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích*,⁽³²⁾ đoạn tư liệu liên quan đến châu Chấn chỉ còn 35 chữ, gồm tên châu Chấn, quận Diên Đức, 4 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương và La Xuyên [viết sai từ Lâm Xuyên], số hương và số thuế thu. Trích dịch đoạn dưới đây gồm nguyên văn gõ lại từ bản Đôn Hoàng và phần hiệu điểm, khảo thích của Vương Trọng Lạc:

“Khảo thích tài liệu địa chí tàn sót những năm đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường.

...Quận Diên Đức, như chuẩn [hạng hạ] của châu Chấn trước đây, Ninh Viễn [hạng trung] có hai hương, 270 hộ, Diên Đức [hạng hạ], hai hương, 357 hộ, Cát Dương [hạng hạ], hai hương, 250 hộ, La Xuyên [hạng hạ], một hương, 260 hộ. (Nguyên văn).

Khảo thích, châu Chấn đặt trị sở tại Ninh Viễn, nay là thị trấn Nhai Thành ở phía tây huyện Nhai, đảo Hải Nam; Diên Đức đặt trị sở ở gần thị trấn Phật La phía tây nam huyện Lạc Đông, đảo Hải Nam ngày nay; Cát Dương đặt trị sở gần thị trấn Đằng Kiều, phía đông bắc huyện Nhai, đảo Hải Nam ngày nay; La Xuyên, các sách địa chí đều viết là Lâm Xuyên, nay là huyện Nhai tỉnh Quảng Đông. Châu Chấn lãnh 4 huyện, gồm 7 hương”.

唐天寶初年地志殘卷考釋

...延德 [郡] 振 [州] [下] 准前 寧遠 [中] 二 [鄉] 二百七十 [千] 延德 [下] 二 [鄉] 三百五十七 [千] 吉陽 [下] 二 [鄉] 二百五十 [千] 羅川 [下] 一 [鄉] 二百六十 [千]. (原文)

考釋曰：振州治寧遠，今海南島崖縣西崖城鎮。延德治今海南島樂東縣西南佛羅鎮附近。吉陽治今海南島崖縣東北簾橋鎮附近。羅川諸志作臨川，今廣東崖縣。振州領四縣凡七鄉。

[敦煌石室地志殘卷考釋，中華學術叢書，王仲榮著-鄭宜秀整理，上海古籍出版社，1993，(頁57)].⁽³³⁾

Nhận xét

Trên nguyên tắc sử liệu, tổng chí thời Đường là Nguyên Hòa quận huyện đồ chí khuyết phần viết về vùng đất cuối cùng phía biển nam. Tên gọi của 5 đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh còn lưu được ở phần Mục lục trùng khớp với biên chép trong chính sử, qua đó có thể dựa vào Cựu-Tân Đường thư để kết luận về cương giới nhà Đường về phía biển cực nam,⁽³⁴⁾ hai bộ chính sử này cho thấy hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu Chấn ở phía cực nam, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

Bổ chí thời Thanh thu thập tư liệu từ các phương chí thời Đường và hai bộ chính sử để phục dựng phần khuyết về đảo Quỳnh, nên cũng không cho tư liệu nào mới lạ. Bổ chí chép về phía cực nam đảo Quỳnh là hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu Chấn, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

Tổng chí trong thời Thiên Bảo chép về số liệu thuế thu có vẻ chi tiết, nhưng không còn lưu được phần chép về địa giới nên cũng không nhận định được gì thêm.

Thời Tống, nhiều bộ tổng chí được triều đình tổ chức biên soạn, lấy tiêu chí chính thống làm chuẩn thì đáng kể trước là các sách Nguyên Phong cửu vực chí [元豐九域志] của Vương Tôn [王存], Cửu khâu tổng yếu [九丘總要] của Vương Nhật Hưu [王日休], Hoàng triều quận huyện chí [皇朝郡縣志] của Phạm Tử Trường [范子長], Hoàng triều phương vực chí [皇朝方域志] của Vương Hy Tiên [王希先], Tường Phù châu huyện đồ kinh [祥符州縣圖經] của Lý Tông Ngạc và Vương Tăng [李宗諤-王曾]. Trong các bộ kể trên, chỉ có Nguyên Phong cửu vực chí là còn toàn vẹn, Tường Phù châu huyện đồ kinh với quy mô lớn, đến 1.566 quyển, làm xong năm Đại Trung Tường Phù thứ 3 (1010), nay chỉ còn vài quyển lẻ mẻ, mấy bộ còn lại chỉ thấy chép tên sách trong các sách thư mục thời Tống.

Nguyên Phong cửu vực chí,⁽³⁵⁾ làm xong năm Nguyên Phong thứ 3 (1080), do Nghị Lang đồng tu Quốc Sử Quán Vương Tôn nhận sắc chỉ biên soạn. Vương Tôn (1023-1101) tự Chính Trọng 正仲, người huyện Đan Dương (Giang Tô), đỗ tiến sĩ năm Khánh Lịch thứ sáu (1046), làm quan trải qua các chức Trứ tác tá lang bí thư tỉnh, Tri thái thường Lễ viện, Thượng thư tả thừa.

Tên sách này phối hợp niên hiệu biên soạn [Nguyễn Phong] và từ *cửu vực* mà thành, *cửu vực* thoát từ khái niệm “*cửu châu phong vực* [chia bờ cõi chín châu]” trong thiên Vũ cống, đây là hình thức dụng điển để đặt tên sách, ngoài ra, cũng cần lưu ý thêm các từ khác như *cửu nguyên* 九原, *cửu khâu* 九丘, *cửu hữu* 九圉 [有] cũng đồng nghĩa *cửu châu*. *Nguyễn Phong cửu vực chí* có thể được hiểu là “tổng chí biên soạn trong niên hiệu Nguyễn Phong”. Tổng chí này tuy ra đời sau sách *Nguyễn Hòa quận huyện đồ chí* nhưng quy mô kém hơn, chỉ có 10 quyển [Nguyễn Hòa 40 quyển], với tổng số chữ ước gần phân nửa *Nguyễn Hòa quận huyện đồ chí*.

Theo bài Biểu dâng sách của Vương Tôn thì *Nguyễn Phong cửu vực chí* chép về các đơn vị hành chính từ trung ương đến cấp huyện tổng cộng gồm 23 lộ, 4 kinh phủ [phủ trực thuộc trung ương], 10 thứ phủ [phủ thuộc lộ], 242 châu, 37 quân, 4 giám, 1.235 huyện.⁽³⁶⁾ Có điểm cần lưu ý về con số các lộ trong *Nguyễn Phong cửu vực chí*, bài biểu của Vương Tôn cho biết có 23 lộ, nhưng ở mục lục sách thấy chép 24 lộ, [cùng 4 kinh, các châu hóa ngoại, các châu ki mi].⁽³⁷⁾ Con số 24 lộ phù hợp với *Tống sử*, bài Tổng luận mục Địa lý chí trong *Tống sử* viết: “Trong niên hiệu Nguyễn Phong [1078-1085] chia toàn quốc thành 24 lộ. Năm Tuyên Hòa thứ 4 [1122] phân làm 26 lộ, 4 phủ thuộc trung ương, 30 phủ, 254 châu, 63 giám, 1234 huyện”.⁽³⁸⁾ Tuy nhiên, vấn đề trong niên hiệu Nguyễn Phong, toàn Trung Hoa gồm 24 lộ, hay 23 lộ phải tạm gác lại cho đề tài nghiên cứu khác.

Các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh đều thuộc lộ Tây Quảng Nam 廣南西路 [lộ này gồm 23 châu, 3 quân, 64 huyện], gồm châu Quỳnh 瓊州, quân Xương Hóa 昌化軍, quân Vạn An 萬安軍, quân Châu Nhai 珠崖軍, nơi cực nam của đảo này là trấn Lâm Xuyên thuộc quân Châu Nhai.

Trích dịch phần quân Châu Nhai

“Quân Châu Nhai, thời Đường là quận Diên Đức thuộc châu Chấn, triều Tống năm Khai Bảo thứ 5 [972] đổi làm châu Nhai, năm Hy Ninh thứ 6 [1073] bỏ châu, đặt làm quân.

Địa lý, cách Đông Kinh 7.685 dặm; đông, từ trị sở đến địa giới 245 dặm, từ đầu địa giới đến quân Vạn An 170 dặm; tây, từ trị sở đến địa giới 120 dặm, từ đầu địa giới đến quân Xương Hóa 384 dặm; nam, từ trị sở đến biển 10 dặm; bắc, từ trị sở đến động Lê 50 dặm; đông nam đến biển 40 dặm; tây nam đến biển 215 dặm [thù];⁽³⁹⁾ đông bắc đến Hầu Sải Lĩnh 250 dặm [thù];⁽⁴⁰⁾ tây bắc đến núi quân Xương Hóa 120 dặm.

Hộ, dân bản địa 240 [thù],⁽⁴¹⁾ nơi khác đến 11.

Thổ sản phải nộp, cỏ cao lương 5 cân [một năm].⁽⁴²⁾

Trấn, 2, năm Hy Ninh thứ 6 [1073] nhập 2 huyện Cát Dương, Ninh Viễn làm thành trấn:

[trấn] Lâm Xuyên, cách về phía đông trị sở quân 80 dặm.

[trấn] Đằng Kiều, cách về phía đông trị sở quân 100 dặm, có 2 hương [bản họ Tiền chép là 1 hương].⁽⁴³⁾

{Cổ tích, trong niên hiệu Khai Bảo, sắc chuẩn đổi tên như hiện nay [?],⁽⁴⁴⁾ bản Các}⁽⁴⁵⁾

[*Nguyễn Phong cửu vực chí*, quyển 9, tờ 30].

珠崖軍 唐振州延德郡皇朝開寶五年改崖州熙寧六年廢爲軍^(*)

地理東京七千六百八十五里東至本軍界二百四十五里自界首至萬安軍一百七十里西至本軍界一百二十里自界首至昌化軍三百八十四里南至海一十里北至黎峒五十里東南至海四十里西南至海一 [讎] 式十五里東北至猴豺嶺三 [讎] 式百五十里西北至昌化軍山一百二十里

戶主三 [讎] 式百四十客一十一

土貢高良薑五斤

鎮二 熙寧六年省吉陽寧遠二縣爲鎮^(*)

臨川軍東八十里

藤橋軍東一百里二鄉 [錢本作一鄉]

{古跡開寶中准敕改今名, 閣本}

[元豐九域志, 卷九, 頁三十]⁽⁴⁶⁾

Trong thời Tống còn có bộ tổng chí được học giới đánh giá rất cao là *Thái Bình hoàn vũ ký* (976-983), và ba bộ được đánh giá cao là *Dư địa quảng ký* (1111-1117), *Dư địa kỷ thắng* (1221) và *Phương dư thắng lãm* (1239).

Thái Bình hoàn vũ ký 太平寰宇記⁽⁴⁷⁾ nguyên tác 200 quyển, mục lục 2 quyển, hiện chỉ còn 197 quyển.⁽⁴⁸⁾ Sách do Nhạc Sử 樂史 soạn, làm xong trong khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-983). Nhạc Sử (930-1007) tự Tử Chính 子正, người huyện Nghi Hoàng, châu Vũ Đạo, Giang Tây, đỗ tiến sĩ trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, soạn sách do sở thích, làm xong mới dâng lên, tuy là sách tư tuyển nhưng nội dung hoàn bị, vượt xa *Nguyên Phong cứu vực chí*. Nhạc Sử kế thừa thành quả các tổng chí của Giả Đàm, Lý Cát Phủ thời Đường, các phần Địa lý chí trong chính sử, tổng hợp và bổ sung dữ liệu đương thời để làm thành sách *Thái Bình hoàn vũ ký*. Các tổng chí trước Nhạc Sử phân mục nội dung cơ bản gồm: sự diên cách [của kinh, phủ, châu, quân], địa giới, hộ, thuế thu, núi sông, thành ấp, quan tái, huyện hóa ngoại [không trực tiếp quản lý], *Thái Bình hoàn vũ ký* mở rộng thêm các mục: phong tục, nhân vật, tính thị [hộ], vật sản, nghệ văn, tứ Di [quan hệ quốc tế]. Với cách thu thập tư liệu phong phú, liên quan đến các lĩnh vực xã hội, kinh tế và văn hóa, đặt tiền lệ cho mô hình ghi chép toàn diện về địa phương, trong lịch sử phương chí học, công trình của Nhạc Sử được xem là đã tạo một bước ngoặt lớn.

Thái Bình hoàn vũ ký phân chép về 13 đạo, mỗi đạo phân chép theo cấp phủ, châu, quân, giám. Bắt đầu từ Đông Kinh nằm trên địa bàn đạo Hà Nam và sau cùng là châu Long Vũ thuộc đạo Lĩnh Nam và dành riêng phần cuối [28 quyển] chép về tứ Di. Đến đây có hai điểm cần phải lưu ý, một là việc phân đạo và lộ thời Tống, thời gian biên soạn *Thái Bình hoàn vũ ký* vốn trước *Nguyên Phong cứu vực chí*, lúc này nhà Tống vẫn chưa cải tổ toàn diện việc phân cấp quản lý, vẫn giữ cơ cấu 15 đạo cuối thời Đường, chỉnh sửa còn 13 đạo, sau niên hiệu Thái Bình, đến năm Chí Đạo thứ 3 (997) lại đổi thành 15 lộ, đến năm đầu Thiên Thánh (1023) chia làm 18 lộ, và đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) thì mới chia 24 lộ như *Nguyên Phong cứu vực chí* mô tả.⁽⁴⁹⁾ Vì vậy địa lý hành chánh khoảng 100 năm đầu thời Tống có nét gần giống địa lý hành chánh cuối thời Đường. Hai là, trong phần viết về đạo Lĩnh Nam, Nhạc Sử đã chép lại các ghi chép hồi thời Đường, Ngũ

đại về 19 châu từ châu Giao và châu Phong trở về nam [quyển 170, 171],⁽⁵⁰⁾ để nhận biết các châu này không thuộc cương vực nhà Tống, nên lưu ý kỹ mục lịch sử diên cách các châu, huyện, mục lịch sử diên cách 19 châu này dùng ở thời Đường, khác với các châu khác cũng thuộc đạo Lĩnh Nam được cập nhật tên gọi mới đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc.

Thái Bình hoàn vũ ký từ quyển 157 đến quyển 171 chép về đạo Lĩnh Nam, quyển 169, Lĩnh Nam đạo 13, chép 6 đơn vị là quân Thái Bình, châu Lôi, châu Đam, châu Quỳnh, châu Nhai, châu Vạn An. Trong 6 đơn vị trên, quân Thái Bình và châu Lôi thuộc phần đất bán đảo, bốn châu Đam, Quỳnh, Nhai, Vạn An nằm trên đảo Quỳnh, châu Nhai là nơi cực nam.

Trích dịch phần châu Nhai

“Châu Nhai mới⁽⁵¹⁾

Châu Nhai vốn là châu Chấn, tức nay là nơi quận Lâm Chấn thời Tùy, cũng gọi quận Diên Đức. Thời Đường, năm Võ Đức thứ 5 [622] đặt châu Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm quận Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt lại làm châu Chấn, trị sở châu đặt tại huyện Ninh Viễn, đất đai cũng như quận Châu Nhai. Nhà Tống, năm Khai Bảo thứ 6 [973], cắt đất châu Nhai cũ cho thuộc vào châu Quỳnh, lại đổi châu Chấn làm châu Nhai.

Lãnh năm huyện: Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Địa giới châu:

Đông tây, khuyết [mất chữ]; Nam bắc, khuyết [mất chữ]

Tứ chí bát đảo:

Bắc đến Đông Kinh 7.685 dặm.

Bắc đến Tây Kinh 7.797 dặm.

Bắc đến Trường An 8.606 dặm.

Đông đến châu Quỳnh 450 dặm.

Tây nam đến biển lớn 15 dặm.

Nam đến biển lớn 27 dặm.

Tây đến châu Đam 420 dặm.

Đông đến huyện Lăng Thủy, châu Vạn An 160 dặm.

Hộ

Thời Đường niên hiệu Khai Nguyên [713-741] có 819 hộ.

Hiện thời có 340 hộ bản xứ, 11 hộ nơi khác đến.

Phong tục, giống như châu Quỳnh.⁽⁵²⁾

Thổ sản, nộp cống: Vàng.

Huyện Ninh Viễn, có hai hương, là đất huyện Lâm Chấn thời Hán, thời Tùy đặt làm nơi trị sở của châu.

Huyện Diên Đức, cách phía tây trị sở châu 40 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chấn thời Hán, thời Tùy đặt huyện.

Huyện Cát Dương, cách phía đông bắc trị sở châu 90 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chấn thời Hán, thời Đường năm Trinh Quán thứ 2 [628], chia ra từ huyện Diên Đức, đặt huyện.

Huyện Lâm Xuyên, cách phía đông nam trị sở châu 80 dặm, là đất huyện Lâm Chấn thời Hán, thời Tùy đặt huyện.

Huyện Lạc Đôn, cách phía đông bắc trị sở châu 20 dặm, có hai hương.

Núi Lạc Diệu, bãi chăn nuôi Trùng Lăng, núi Lạc Trùng, sông Lê dưới núi Chúc Đảo, núi Lạc Viên, dãy Chung Diên, các nơi này đều là núi sông của quận ấp”.

新崖州

崖州本振州也即今隋臨振郡又曰延德郡唐^(*)武德五年置振州天寶元年改爲臨振郡乾元元年復爲振州理寧遠縣土地與珠崖郡同皇朝開寶六年割舊崖州之地隸瓊州卻改振州爲崖州。

領縣五 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川^(*), 落屯。

州境

東西 缺^(*) 南北 缺^(*)

四至八到

北至東京七千六百八十五里

北至西京七千七百九十七里

北至長安八千六百六里

東至瓊州四百五十里

西南至大海一十五里

南至大海二十七里

西至儋州四百二十里

東至萬安州陵水縣一百六十里

戶

唐開元戶八百一十九

皇朝戶主三百四十客一十一

風俗 同瓊州

土產, 貢金

寧遠縣 二鄉 漢臨振縣地隋置州所理

延德縣 西四十里 二鄉 漢臨振縣地隋置

吉陽縣 東北九十里 二鄉 漢臨振縣地唐貞觀二年分延德縣置

臨川^(*)縣 東南八十里 漢臨振縣地隋置

落屯縣東北二十里二鄉落鳥山, 澄浪牧, 落澄山, 織島山下有黎水, 落猿山, 鐘延嶺以上皆郡邑之山水⁽⁵³⁾

[太平寰宇記, 卷之一百六十九, 嶺南道十三, 頁15-17]⁽⁵⁴⁾

Dư địa quảng ký 輿地廣記 38 quyển,⁽⁵⁵⁾ do Âu Dương Văn 歐陽忞 soạn trong niên hiệu Chính Hòa (1111-1117). Theo học giả thời Bắc Tống Triều Công Võ 晁公武 viết trong *Quận Trai độc thư chí* 郡齋讀書志 thì Âu Dương Văn là tên giả của một người ẩn danh, còn theo học giả thời Nam Tống Trần Chấn Tôn 陳振孫 viết trong *Trực Trai thư lục giải đề* 直齋書錄解題 thì Âu Dương Văn là cháu của văn gia-sử học gia trứ danh Âu Dương Tu 歐陽修.⁽⁵⁶⁾

Dư địa quảng ký dành 3 quyển đầu trình bày cương yếu về sự biến đổi cương vực trong lịch sử và tổng thể quá trình diên cách địa lý hành chánh Trung Hoa từ thời nhà Chu đến nhà Đường-Ngũ đại. Bộ phận này được sắp xếp khá khoa học, tạo sự tiện lợi trong việc tra cứu nhanh, từ 9 châu thời nhà Hạ, đến 14 quận thời nhà Tần, 13 quận thời nhà Hán, 19 đạo thời nhà Tấn, 15 đạo thời Đường cho đến các châu thời Ngũ đại, đây là điểm mới so với các tổng chí đương thời. Từ quyển 4 đến quyển 38 chép về cương vực

nhà Tống, phân chép về 4 kinh, 23 lộ, dần xuống các cấp phủ, châu, quân, huyện. *Dư địa quảng ký* không chép về tứ chí, đường sá, hộ khẩu, phong tục, thổ sản như các sách tổng chí đương thời, nhưng lại chép rất kỹ về sự thay đổi địa danh và sự phân chia, cắt nhập của các vùng đất cho đến cấp huyện.

Bối cảnh *Dư địa quảng ký* thuộc cuối thời Bắc Tống, các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh cơ bản tương đồng với ghi chép trong *Nguyên Phong cứu vục chí*, gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xương Hóa, Vạn An, Châu Nhai].

Trích dịch về quân Châu Nhai:

“[Ngang với châu cấp thấp]⁽⁵⁷⁾ Quân Châu Nhai, thời Tùy là đất quận Châu Nhai; thời Đường năm Võ Đức thứ 5 [622] lập quận Lâm Chấn thuộc châu Chấn, lại gọi là quận Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo [742] gọi là quận Diên Đức; thời Ngũ đại thuộc nhà Nam Hán. Nhà Tống năm Khai Bảo thứ 5 [972] đổi làm châu Nhai, năm Hy Ninh thứ sáu [1073] bỏ châu, đặt làm quân Châu Nhai, nay có 2 trấn:

Trấn Lâm Xuyên, vốn là huyện Lâm Xuyên đặt hồi cuối nhà Tùy.

Trấn Đằng Kiều, đầu thời Đường là châu Chấn, lãnh 5 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; thời Nam Hán lược bớt 3 huyện Diên Đức, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; nhà Tống năm Hy Ninh thứ 6 lược bớt 2 huyện Ninh Viễn, Cát Dương, làm thành 2 trấn Lâm Xuyên, Đằng Kiều”.

[Quyển 37, tờ 8, Quảng Nam Tây lộ, hạ].

同下州 朱崖軍 隋珠崖郡地唐武德五年立振州臨振郡又曰寧遠郡天寶元年曰延德郡五代爲南漢所有皇朝開寶五年改爲崖州熙寧六年廢州爲朱崖軍今鎮二

臨川鎮本臨川縣隋末置

藤橋鎮初唐振州領寧遠延德吉陽臨川落屯五縣南漢時省延德臨川落屯三縣熙寧六年省寧遠吉陽二縣爲臨川藤橋二鎮焉

[輿地廣記, 卷三十七, 廣南西路下, 頁八]⁽⁵⁸⁾

Dư địa kỷ thắng 輿地紀勝,⁽⁵⁹⁾ nguyên tác 200 quyển, do Vương Tượng Chi 王象之 soạn xong năm 1221 (Gia Định thứ 14, nhà Nam Tống). Vương Tượng Chi tự Nghi Phụ 儀父, hiệu Đông Dương 東陽, người trấn Kim Hoa, châu Vụ (Chiết Giang), đỗ tiến sĩ năm Khánh Nguyên thứ 2 (1196), làm quan chỉ đến chức Tri huyện [huyện Phân Ninh, huyện Giang Ninh], sở trường về địa lý học, tương truyền có bộ *Dư địa đồ* 16 quyển, phụ theo bộ *Dư địa kỷ thắng*, nhưng toàn bộ 16 quyển địa đồ đã mất hồi thời Nguyên, riêng *Dư địa kỷ thắng* bị mất hẳn 31 quyển và 16 quyển bị mất một số tờ.

Dư địa kỷ thắng chép tường tận về 16 lộ thuộc cương vực Nam Tống, các phủ, châu, quân, giám cộng 166 đơn vị. Phân mục về diên cách châu, huyện thu thập rộng các biên chép trước đó, đề cương thống nhất gồm: diên cách, phong tục, hình thắng, cảnh vật thượng, cảnh vật hạ, cổ tích, quan lại, nhân vật, tiên thích, bi ký, thi, tứ lục [văn]. So với các tổng chí trước đây, *Dư địa kỷ thắng* có phần phong phú hơn về tư liệu lịch sử diên cách, chú trọng hơn về thắng tích và văn học.

Phần chép về lộ Tây Quảng Nam từ quyển 103 đến quyển 127, các quyển và số tờ đều còn đủ. Mở đầu quyển 103 là lời tổng luận về diên cách

toàn lộ, kế đến là chép về 25 đơn vị gồm: 1 phủ [phủ Tĩnh Giang, trị sở lộ], 21 châu, 3 quân. Các đơn vị trên đảo Quỳnh gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xương Hóa, Vạn An, Cát Dương]. Quân Châu Nhai thời Bắc Tống đến đây đổi gọi là quân Cát Dương.

Trích dịch

“Quân Cát Dương, hình thắng.

Quỳnh quân chí⁽⁶⁰⁾ viết: ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lăng,⁽⁶¹⁾ cùng đối ngang với Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cổ mà không thấy sợ.”

吉陽軍。形勝。

其外則烏里，蘇密，吉浪 之洲，而與占城相對，西則真臘交趾，東則千里長沙萬里石塘，上下渺茫，千里一色，舟船往來，飛鳥附其顛頸而不驚，瓊管志

[輿地紀勝，卷一百二十七，廣南西路，吉陽軍，頁二，三]⁽⁶²⁾

Phụ khảo, *Dư địa kỷ thắng*, quyển 124, Quỳnh Châu, Cảnh vật hạ, [Quỳnh Sơn huyện, Văn Xương huyện], Thất Tinh Sơn. Đoạn văn dưới đây chép về một địa danh, nơi này tuy không nằm ở phía cực nam đảo Quỳnh nhưng về sau địa danh này sẽ được tổng chí nhà Thanh trích dẫn để liên kết với các tư liệu liên quan khác, vì vậy, có thể xem đây là tư liệu nguồn liên quan đến địa danh Thất Tinh Sơn - Thất Châu Dương:

“Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao.

Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc”.

七星山在瓊山縣東之文昌界海濱狀如七星

七星嶺在文昌縣近海岸其勢如連珠

[輿地紀勝，卷一百二十四，廣南西路，瓊州，景物下，頁九]⁽⁶³⁾

Phương dư thắng lãm 方輿勝覽,⁽⁶⁴⁾ nguyên tác 70 quyển, do Chúc Mục 祝穆 soạn, hoàn thành năm Gia Hy thứ 3 (1239). Bộ tổng chí này được đánh giá là phong phú về tư liệu văn học. Các mục về diện cách địa danh, địa giới phần nhiều sao chép lại từ *Dư địa kỷ thắng*, phần viết về Quỳnh Châu thuộc quyển 43, điều liên quan đến vùng biển nam trong mục “Cát Dương quân, hình thắng” cũng trích lại câu trong *Quỳnh quân chí* như *Dư địa kỷ thắng* đã trích [đã dịch ở trên].

Nhận xét

Tổng chí thời Tống như đã điểm qua, nhìn chung được viết trong hai thời kỳ, với những đặc trưng khá rõ của hai thời Bắc Tống và Nam Tống. Tổng chí thời Bắc Tống với Thái Bình hoàn vũ ký hoàn thành lúc nhà Tống mới lập triều đại, ghi chép về cương vực và địa lý hành chánh còn phải phát cơ chế nhà Đường. Tư liệu về số hộ dân chép trong Thái Bình hoàn vũ ký cho thấy châu Nhai với 5 huyện mà chỉ hơn 350 hộ [gần bằng phân nửa thời Đường], chứng tỏ vùng đất cực nam này rất hoang vu. Cho đến những năm Nguyên Phong là lúc tình hình chính trị, kinh tế nhà Tống đã ổn định, Nguyên Phong cứu vực chí cho thấy châu Nhai đã hạ xuống cấp quân, số

hộ giảm, chỉ còn hơn 250 hộ, 5 huyện chỉ nhập còn 2 trấn. Cơ cấu quản lý hành chính của lộ Tây Quảng Nam suốt thời Nam Tống gồm nhiều châu và 3 quân, cả 3 quân này đều trên đảo Quỳnh, và luôn ở bậc “hạ”, tức bậc 5, là những địa phương thấp nhất về kinh tế. Yếu tố về kinh tế có lẽ cũng là một lý do khiến nhà Tống không mấy quan tâm đến hòn đảo này. Cương vực nhà Tống về phía biển nam không vượt quá châu Nhai, việc phát hiện hoặc khai thác, quản lý nơi xa hơn châu Nhai [quân Châu Nhai, quân Cát Dương] về phía biển nam không thấy các tổng chí ghi nhận.

Tổng chí thời Nam Tống có điểm mới về các biên chép liên đới rộng với các nơi bên ngoài. Qua sách Dư địa kỷ thắng, có thể nhận định bộ địa phương chí đầu tiên là Quỳnh quán chí là sách đã đề cập đến sự tiếp giáp giữa đảo Quỳnh với các nơi xa về phía nam, cách ghi chép trong Quỳnh quán chí cho thấy rõ những nơi được đề cập như các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng hoặc các nước Chân Lạp, Giao Chỉ và các vùng đảo Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường đều là những vùng xung quanh, chúng được ghi nhận với ý nghĩa thể hiện sự tương tiếp về không gian địa lý rộng, hoàn toàn không biểu lộ rằng nơi nào trong các nơi ấy thuộc địa hạt Quỳnh Châu.

Thời Nguyên, Đại Nguyên đại nhất thống chí 大元大一統志⁽⁶⁵⁾ gọi tắt là Nguyên nhất thống chí 元一統志, nguyên tác 1.300 quyển, làm xong năm Đại Đức thứ 7 (1303), do Trát Mã Lat Đinh 札馬剌丁, Ngu Ứng Long 虞應龍, Bật Lan Phán 孛蘭盼 và Nhạc Huyền 岳鉉 chủ biên, bắt đầu soạn từ năm 1284 theo sắc chỉ của Hốt Tất Liệt. Bộ tổng chí với quy mô rất lớn này đã thất tán trong thời Minh, nay chỉ còn hơn 30 quyển, các quyển này thuộc phần chép về 6 châu ở phía bắc Trung Hoa nên không khảo sát cương vực tổng thể được. Bộ tổng chí này bắt đầu định danh tổng chí toàn quốc là *Nhất thống chí* và cách gọi này đã trở thành tiền lệ cho các triều Minh, Thanh.

Thời Minh, Đại Minh nhất thống chí 大明一統志⁽⁶⁶⁾ là tên do Chu Kỳ Trấn (Anh Tông) đặt cho bộ tổng chí có tên gốc là *Thiên hạ nhất thống chí*, do Thượng thư Bộ Lại, Đại học sĩ Lý Hiền 李賢 làm Tổng tài (chủ biên), làm xong năm 1461, gồm 91 quyển, khắc in cùng năm. Lý Hiền (1408-1466) tự Nguyên Đức 原德, người huyện Trịnh, tỉnh Hà Nam, đỗ tiến sĩ triều Tuyên Đức, làm quan trải các chức vụ Tả thị lang Bộ Lại, Thượng thư Bộ Lại, Hàn lâm học sĩ, Đại học sĩ điện Hoa Cái, tước Thiệu bảo. Năm Thiên Thuận thứ 2 (1458) nhận sắc biên soạn *Minh nhất thống chí*.

Quyển đầu của bộ tổng chí này gồm lời Tựa của hoàng đế, bài Biểu dâng sách của Lý Hiền, sắc chỉ bổ nhiệm các chức vụ biên soạn, mục lục, và 16 bức địa đồ, gồm 1 bức toàn quốc, 1 bức Bắc Kinh, 1 bức Nam Kinh và 13 bức của 13 Ty Bố chánh. Phần nội dung chính phân chép theo từng khu vực hành chính, từ quyển 1 đến quyển 5 chép về Kinh sư, từ quyển 6 đến quyển 18 chép về Nam Kinh, từ quyển 19 đến quyển 88 chép về 13 Ty Bố chánh, quyển 89, 90 chép về các nước bên ngoài. Trong mỗi Ty Bố chánh, đầu tiên chép tổng quan về sự thay đổi mô hình quản lý qua các thời, sau đó phân chép từng phủ, trong mỗi phủ phân chép các mục: kiến trí diên cách, các huyện, tên quận xưa, hình thắng, phong tục, sơn xuyên, thổ sản, công thự,

học hiệu, thư viện, cung thất, quan ải, cầu đò, chùa miếu, lăng mộ, cổ tích, quan lớn qua các thời, nhân vật có tiếng qua các thời.

Bức địa đồ toàn quốc mang tên “Thiên hạ nhất thống chi đồ” và địa đồ Ty Bố chánh Quảng Đông với tên “Quảng Đông địa lý chi đồ”, hai bức này cho thấy cực nam cương vực nhà Minh chỉ đến hết phủ Quỳnh Châu.⁽⁶⁷⁾

Ty Bố chánh Quảng Đông chép trong 4 quyển [quyển 79-82], phủ Quỳnh Châu thuộc quyển 82, phủ này lãnh 3 châu [Đam, Nhai, Vạn], 10 huyện. Cực nam phủ Quỳnh Châu là châu Nhai.

Trích dịch phần chép về châu Nhai

“Châu Nhai, cách về phía nam trị sở phủ [Quỳnh Châu] 1.110 dặm, vốn là đất quận Châu Nhai thời Hán; thời Tùy đặt quận Lâm Chấn; thời Đường đổi làm châu Chấn, đặt trị sở tại huyện Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo đổi làm quận Diên Đức, lại đổi là quận Ninh Viễn, năm đầu Càn Nguyên đặt trở lại là châu Chấn; thời Tống đổi là châu Nhai, trong những năm Hy Ninh đổi là quân Châu Nhai, trong những năm Thiệu Hưng đặt phế rồi đặt trở lại là quân Cát Dương; nhà Nguyên vẫn theo đó; triều ta trong những năm đầu Hồng Vũ đặt trở lại là châu Nhai, trong những năm Chính Thống lấy huyện Ninh Viễn nhập vào, 1 dặm có 14 hộ dân, lãnh 1 huyện là Cẩm An”.

崖州在府城南一千一百一十里本漢珠崖郡地隋置臨振郡唐改爲振州治寧遠縣天寶初改爲延德郡又改寧遠郡乾元初復爲振州宋改崖州熙寧中改朱崖軍紹興中口廢尋復置改吉陽軍元因之本朝洪武初復爲崖州正統間以寧遠縣省入編戶一十四里領縣一感恩縣...

[天下一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十七]⁽⁶⁸⁾

Trong phần viết về phủ Quỳnh Châu nói chung, qua các mục “Kiến trí diên cách”, “Hình thắng” và “Sơn xuyên” không thấy ghi chép gì liên quan đến phía biển nam, ở về phía đông phủ này, trong mục “Sơn xuyên” có chép về địa danh Thất Tinh Sơn tương tự như quyển 124 sách *Dư địa kỷ thắng* đã chép, trích dịch dưới đây:

“Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên núi Thất Châu Dương.”

七星山在文昌縣東濱海山有七峯狀如七星連珠亦名七州洋山

[天下一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十九]⁽⁶⁹⁾

Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu 皇明一統紀要,⁽⁷⁰⁾ 15 quyển, Cố Sung 顧充 soạn, Diệp Cận Sơn 葉近山 san hành, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), 15 quyển phân chép về 15 khu vực hành chánh gồm Bắc trực lệ, Nam trực lệ và 13 Ty Bố chánh. Đầu quyển 1 là lời Tựa của Diệp Cận Sơn, kể đến là địa đồ hiện tại “Hoàng Minh đại nhất thống địa lý chi đồ” và địa đồ qua các thời kỳ Chu [Chu địa lý chi đồ], Hán [Hán địa lý chi đồ], Đường [Đường địa lý chi đồ], Tống [Tống địa lý chi đồ]. Phần chép về các khu vực, mỗi khu vực đều có 2 địa đồ, một bức tổng thể địa hình và một bức chép đủ tên các châu, huyện. Như nhan đề đã nêu, nội dung sách tinh gọn, chép giản lược mà khá khoa học, chú trọng về địa lý hành chánh. Các bức

địa đồ cương vực tổng thể nhà Minh [quyển 1] và địa đồ Ty Bố chánh Quảng Đông [quyển 6] tương đồng với các địa đồ trong *Đại Minh nhất thống chí*.

Quảng dư ký 廣輿記,⁽⁷¹⁾ 24 quyển, Lục Ứng Dương 陸應陽 [hiệu Bá Sinh 伯生] soạn, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch, về sau, người thời Thanh là Sái Phương Bình 蔡芳炳 [tự Cửu Hà 九霞] tăng bổ và in lại năm Khang Hy Bính Dần (1686). Sách này tuy cũng đủ các đề mục như *Minh nhất thống chí* như ghi chép văn tắt giản lược, bản in thời Vạn Lịch chép thuần giai đoạn nhà Minh, còn bản in lại năm 1686 do Sái Phương Bình tăng bổ cập nhật thông tin về sự diễn cách đến đầu nhà Thanh, vì vậy điểm được nét giao thời. Bản in 1686 mở đầu bằng quyển thủ với lời Tựa của họ Sái, phần “Lịch đại cương vực” cũng của họ Sái, mục lục sách, bộ địa đồ gồm 17 bức, trong đó gồm một bức toàn quốc “Quảng dư tổng đồ”, một bức Trục lệ, và 15 bức của 14 tỉnh [Thiểm Tây có 2 bức]; phần nội dung chính từ quyển 1 đến quyển 24 là của Lục Ứng Dương soạn và Sái Phương Bình tăng bổ.

Sách này có giá trị ở bộ địa đồ trong quyển thủ, bút pháp thực hiện các địa đồ cho thấy không phải của cùng một người vẽ, có lẽ họ Sái sưu tập từ nhiều nguồn, bức “Quảng dư tổng đồ” thật ra đã đổi tên, in lại bức “Quảng dư đồ”⁽⁷²⁾ do người thời Minh là La Hồng Tiên 羅洪先 tăng bổ từ bản gốc của người thời Nguyên là Chu Tư Bản 朱思本. Phần địa đồ các tỉnh được thực hiện khá chi tiết, có một bước tiến xa so với những địa đồ trong các bộ tổng chí trước. Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 1, tức “Quảng dư tổng đồ” và Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 14, tức “Quảng Đông tỉnh” cho thấy cương vực Trung Hoa về phía biển nam chỉ đến châu Nhai, phủ Quỳnh Châu.

Nhận xét

Tổng chí thời Minh tuy không nhiều như thời Tống nhưng nội dung hoàn thiện hơn, Đại Minh nhất thống chí bao quát tổng thể, ghi chép rất rõ và khá chi tiết về cương vực, Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu và Quảng dư ký có chung mục đích là trình bày các mặt theo hình thức giản yếu nhưng vẫn giữ trọng tâm ở phần cương vực và địa lý hành chánh, cơ quan hành chánh. Ưu điểm của tổng chí thời Minh có thể thấy rõ qua cả ba bộ là, cương vực tổng thể Trung Hoa và cương giới mỗi tỉnh đều được minh họa bằng các địa đồ. Đối với không gian về phía biển nam, các ghi chép và địa đồ đều nhất quán, chúng cho thấy cương vực nhà Minh chỉ đến châu Nhai.

Thời Thanh, triều đình nhiều lần tổ chức biên soạn tổng chí,⁽⁷³⁾ hiện lưu hành 3 bộ, thời gian biên soạn lần lượt như sau:

Đại Thanh nhất thống chí 大清一統志, 356 quyển,⁽⁷⁴⁾ do Đại học sĩ Tưởng Đình Tích 蔣廷錫, Vương An Quốc 王安國 chủ biên, theo sắc chỉ của vua Càn Long, làm xong năm Càn Long thứ 8 (1743), Nội phủ khắc in năm 1744.

Khâm định Đại Thanh nhất thống chí 欽定大清一統志, 424 quyển,⁽⁷⁵⁾ do Đại học sĩ Hòa Thân 和珅 nhận sắc trùng tu [soạn thêm vào bộ đã soạn năm 1743], làm xong năm Càn Long thứ 49 (1784).

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí 嘉慶重修一統志, 560 quyển, do Đại học sĩ Tổng tài Quốc Sử Quán Mục Chương A 穆彰阿, Hàn Lâm Viện Biên tu

Lý Tá Hiền chủ biên, bộ này dựa vào bản Hòa Thân để soạn thêm, theo sắc chỉ của vua Gia Khánh, làm xong năm Đạo Quang thứ 22 (1842).⁽⁷⁶⁾

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí có nhiều đề mục và mỗi đề mục chép rộng nhiều chi tiết, thu tóm cả các ghi chép từ các tổng chí, thông chí và một số sách tư nhân trong quá khứ, nó được xem là bộ tổng chí hoàn bị bậc nhất của riêng triều Thanh và của cả các tổng chí Trung Hoa trong lịch sử. Đầu sách và đầu phần chép về các tỉnh, phủ đều có địa đồ, mở đầu là “Hoàng dư toàn đồ” [cuốn 1, tr. 8], mở đầu phần chép về Quảng Đông thống bộ là “Quảng Đông toàn đồ” [cuốn 9, tr. 5.699], mở đầu phần chép về Quỳnh Châu phủ là “Quỳnh Châu phủ đồ” [cuốn 9, tr. 5.930]. Trong các tổng chí thời Thanh, *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* có tính cách bao quát, nên chỉ trích dịch ở bộ này một số điều liên quan dưới đây:

“Quảng Đông thống bộ - Hình thế

Nam giáp biển lớn, từ trị sở tỉnh đến đại dương chừng 300 dặm. Từ phía đông nam phủ Triều Châu cùng với phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến tiếp liền với biển. Phía tây nam châu Khâm phủ Liêm Châu cùng tiếp liền biển Giao Chỉ, khoảng cách đông tây hơn 2.400 dặm. Còn Quỳnh Châu bốn mặt trợ trợ, riêng trong vùng biển.

Tây tiếp An Nam, từ Khâm, Liêm về tây cùng An Nam phân giới, Khâm Châu còn là đường biển quan trọng”.

[Quyển 440, Quảng Đông thống bộ, tờ 4-5. Bản Đài Thương,⁽⁷⁷⁾ cuốn 9, tr. 5.704].

廣東統部-形勢

南濱大海省治南去大洋僅三百里。自潮州府之東南。與福建之漳州洋接。廉州府欽州之西南。與交趾洋接。東西相距二千四百餘里。而瓊州四面孤懸。以海為境。

西距安南欽廉以西。與安南分界。而欽州又當海道之衝

[嘉慶重修一統志, 卷四百四十, 廣東統部, 頁四-五。臺商本冊九頁 5.704]

“Quỳnh Châu phủ - Hình thế

Vùng đất giữa biển, ngang dọc ngàn dặm (theo *Hán thư*, truyện Giả Quyên Chi);

Vòng quanh hai ngàn dặm, đường thẳng bắc nam tám trăm dặm (theo sách *Thủy kinh chú*);

Bốn châu, mỗi châu chiếm một góc đảo, quanh là biển lớn, giữa là động [người] Lê (theo sách *Quỳnh quán chí* thời Tống)”.
[Quyển 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 5. Bản Đài Thương, cuốn 9, tr. 5.936].

瓊州府-形勢

海中洲居廣袤千里漢書賈捐之傳, 周迴二千里徑度八百里水經注, 四州各占島之一隅外環大海中盤黎峒宋瓊管志

[嘉慶重修一統志, 四百五十二瓊州府頁五。臺商本冊九頁 5.936]

“Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên

Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách *Dư địa kỷ thắng* chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao

làm thành chuỗi ngọc, *Minh thống chí* chép núi có 7 ngọn có tên là núi Thất Châu Dương, sách *Thông chí*⁽⁷⁸⁾ chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm [khoảng 75km], ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi, lấy nước. Khoảng những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm âm ào không dứt”.

[Quyển 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 10. Bản Đài Thương, cuốn 9, tr. 5.938].

瓊州府-山川

七星山在文昌縣北，輿地紀勝在文昌縣界海濱狀如七星連珠，明統志山有七峯亦名七洲洋山，通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉航海者必於此取水採薪明天啟時建塔其上其東有泉七孔晝夜混混不涸⁽⁷⁹⁾

[嘉慶重修一統志，卷四百五十二瓊州府頁十. 臺商本冊九頁 5.938]

“Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên

Đại Mạo Châu, ở châu Nhai có hai châu [bãi] lớn nhỏ, bãi lớn ở phía đông trị sở châu, giữa biển; bãi nhỏ ở phía tây trị sở châu, giữa biển. Lại có Song Châu Môn, cách phía đông trị sở châu tám dặm, hai bãi đứng đối nhau như hai cánh cửa”.

[Quyển 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 23. Bản Đài Thương, cuốn 9, tr. 5.945].

瓊州府-山川

玳瑁洲在崖州有大小二洲大洲在州東海中小洲在州西海中又有雙洲門在州東八里雙洲對峙狀如兩扉

[嘉慶重修一統志，卷四百五十二瓊州府頁二十三. 臺商本冊九頁 5.945]

Ngoài các bộ tổng chí quan tu kể trên, trong thời Thanh còn phải kể đến hai bộ rất nổi tiếng là *Độc sử phương dư kỷ yếu* 讀史方輿紀要 của Cố Tổ Vũ 顧祖禹 và *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* 天下郡國利病書 của Cố Viêm Vũ 顧炎武. Tuy nhiên, mặc dù cũng được một số sách thư mục xếp vào loại tổng chí nhưng về tính chất và phạm vi khảo cứu, hai bộ này thiên về hướng lịch sử địa lý, khác hẳn các tổng chí đã điểm qua. Sẽ được khảo sát trong chuyên đề khác.

Nhận xét

Tổng chí thời Thanh kế thừa và phát huy truyền thống biên soạn tổng chí trong lịch sử, các triều đại nhà Thanh từng tổ chức điều tra thu thập các loại tư liệu trên diện rộng để phục vụ cho việc biên soạn thông chí các tỉnh và tổng chí toàn quốc.

Những đoạn trích dịch từ Gia Khánh trùng tu nhất thống chí phần nào cho thấy việc biên chép tường tận và rành mạch về những đối tượng trong từng đề mục, đoạn văn về hình thế tỉnh Quảng Đông cho thấy rõ cương vực và ranh giới của tỉnh này, đảo/phủ Quỳnh Châu được ghi nhận là nơi trơ trọi, không thấy đề cập đến không gian biển về phía nam. Một chi tiết thuộc mục Sơn xuyên, phủ Quỳnh Châu đề cập đến Đại Mạo Châu [cù lao Đại Mạo], cho thấy đây là thông tin được cập nhật mới và cụ thể, riêng về chi tiết mô tả hai cù lao ở vị trí cửa ngõ châu Nhai này, tổng chí chép chi tiết hơn cả địa phương chí,⁽⁸⁰⁾ qua đây có thể khẳng định không gian vùng biển ngoài khơi châu Nhai.

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí đã biên chép lại một cách có hệ thống về Thất Châu Dương, cho thấy rõ quá trình biến đổi tên gọi từ Thất Tinh Sơn hồi thời Tống, điều này sẽ tránh gây nhầm lẫn đối với các nghiên cứu gần đây cho rằng Thất Châu Dương là tên gọi trong thư tịch cổ nhằm chỉ quần đảo Tây Sa [Hoàng Sa].

Ba bức địa đồ có liên quan đến vùng biển phía nam in trong Gia Khánh trùng tu nhất thống chí nhất quán với các biên chép trong mục hình thể tỉnh Quảng Đông, trong mục hình thể và sơn xuyên phủ Quỳnh Châu, chúng cho thấy cương vực, không gian vùng biển về phía nam tỉnh này chỉ đến bãi Đại Mạo ngoài khơi châu Nhai.

(Het phan Tong chí)

P H Q

CHÚ THÍCH

- (1) Bài viết “Tây Sa và Nam Sa chưa từng được ghi nhận trong lịch sử phương chí Trung Hoa”, *Tuổi trẻ cuối tuần*, số 42, ra ngày 24/10/2010.
- (2) Dẫn lại Trần Chính Tường 陳正祥, *Trung Quốc phương chí đích địa lý học giá trị*, [中國方志的地理學價值 / Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih], Luận văn tiến sĩ, Hương Cảng Trung văn đại học, 17/2/1965, (chú thích 4, tr. 3).
- (3) Theo *Trung Quốc địa phương chí liên hợp mục lục*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1985.
- (4) Theo Chu Sĩ Gia, *Mỹ Quốc quốc hội đồ thư quán tàng Trung Quốc phương chí mục lục*, 1942; Viện Nghiên cứu phương Đông và châu Phi, Đại học Luân Đôn, *Anh Quốc các đồ thư quán sở tàng địa phương chí tổng mục lục*, 1979; Nhật Bản quốc hội đồ thư quán, *Nhật Bản chủ yếu đồ thư quán, Nghiên cứu sở tàng Trung Quốc địa phương chí tổng hợp mục lục*, 1969; Ngô Đức Minh, *Ấu châu các quốc đồ thư quán sở tàng Trung Quốc địa phương chí mục lục*, 1957.
- (5) Tác giả bộ *Lịch sử khoa học kỹ thuật Trung Quốc* (5 quyển) [Science and Civilisation in China, Cambridge at the University Press, 1956].
- (6) Dịch từ bản Trung văn, theo Lâm Diễm Kinh, *Trung Quốc địa phương chí*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1996. [林衍經. 中國地方志. 上海古籍出版社].
- (7) Xem Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1(84). 2011 [trang 44-88].
- (8) Xem *Chu lễ*, Địa quan, Tụng huấn, trong *Thập tam kinh chú số*, cuốn Thượng, *Chu lễ chú số*, tr. 747, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, 1979.
- (9) Xem chú thích 2. Trong tiêu đề luận văn của mình, Trần Chính Tường [Cheng-siang Chen] không chuyển nghĩa từ *phương chí* sang Anh ngữ mà dùng cách phiên âm [*fang-chih*], riêng trong bài tóm tắt bằng Anh ngữ ở cuối luận văn, ông viết rằng “có thể gọi phương chí là *local gazetteer*” (tr. 45).
- (10) Theo *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* (Thanh), Vĩnh Dung chủ biên, Tảo Diệp Sơn Phòng thạch ấn bản, 1919.
- (11) Xem thêm chú thích 2, 8 và Trần Chính Tường, *Đài Loan địa chí*, Đài Bắc, 1959, 1960, 1961, bản Anh ngữ, 1962.
- (12) Xem Du Sảng Mê, *Đồ thư quán học thông luận*, Chính Trung thư cục, Đài Bắc, 1953. Chương 15, Đồ thư đích phân loại, tr. 108-132. [俞爽迷. 圖書館學通論. 正中書局印行, 臺北, 1953].
- (13) Theo *Hán tịch tùng thư sở tại mục lục*, Đông Dương văn khố, 1965. [漢籍叢書所在目錄, 東洋文庫 等, 東京都, 昭和 41].
- (14) Còn gọi là *Kinh thư*, một trong năm kinh của Nho gia.

- (15) Nguyên văn: “禹敷土隨山刊木奠高山大川”禹貢, 夏書 - 尚書 [十三經注疏, 尚書正義卷六, 頁34]. Trích Vũ cống, phần Hạ thư, sách *Thượng thư* [trong *Thập tam kinh chú số, Thượng thư chính nghĩa*, quyển 6, tờ 34. Bản Trung Hoa thư cục, 1979, quyển Thượng, tr. 146].
- (16) *Tùy thư*, quyển 33, Chí 28, Kinh tịch 2. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 4, tr. 987.
- (17) *Tùy thư*, quyển 77, Liệt truyện thứ 42, Truyện Thôi Khuếch và con là Thôi Trách. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 6, tr. 1.757. Truyện Thôi Trách chép *Khu vũ đồ chí*, 250 quyển, nhưng ở quyển 33, Nghệ văn chí [Xem chú thích 16] cũng chép tên sách *Khu vũ đồ chí* nhưng số quyển thì chép chỉ có 129.
- (18) Tham khảo *Hán Đường địa lý thư sao* (Thanh), Vương Mô, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, Bắc Kinh, 1961, tr. 206, *Ngu Mậu - Tùy - Khu vũ đồ chí*. Trong sưu tập của Vương Mô, tác giả *Khu vũ đồ chí* được chép là Ngu Mậu [tức Ngu Thế Cơ], tức là người biên soạn lại lần sau.
- (19) *Hán Đường địa lý thư sao*, sdd, tr. 207-223.
- (20) *Hán Đường địa lý thư sao*, sdd, tr. 209, *Tùy châu quận đồ kinh* có đoạn viết: “Năm thứ 3 niên hiệu Hiến Khánh (nhà Đường), cắt 30 dặm Đường Châu, nơi giáp giới huyện Tả Phong với đất Đường Xuyên, nhân đó có tên Đường Châu”, đồng thời có nhiều đoạn khác đề cập việc dựng đất của nhà Đường sau này, cho thấy sưu tập này không thuần là sách thời Tùy.
- (21) *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880), [元和郡縣圖志, 三十四卷 - 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 元 5-136 [34 quyển, đóng thành 8 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tủ kho toàn thư], Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1983 [trong *Tùng san Trung Quốc cổ đại địa lý tổng chí*].
- (22) Tham khảo *Cựu Đường thư*, quyển 38, Chí 18, Địa Lý 1, Tổng luận. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 5, tr. 1.384, 1.385.
- (23) *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, bản in khắc Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882). [元和郡縣補志, 九卷 - 光緒八年二月, 金陵書局刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 元 5-136 - 9.
- (24) Theo lời tựa của Lư Văn Siêu 盧文弨 trong *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, sdd.
- (25) Trích *Bổ chí*, sdd, phần Lĩnh Nam đạo, tờ 1.
- (26) Phần viết sau chữ (Án) trong nguyên tác là lời xét của người soạn tập, tức của Nghiêm Quan hoặc Nghiêm Tiến Phủ.
- (27) Thượng Đô, tức phủ Kinh Triệu, nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.
- (28) Đông Đô, tức phủ Hà Nam, nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam.
- (29) Phần được viết trước chữ (nguyên văn) tức là phần còn sót lại từ *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*, được các tác giả *Bổ chí* giữ nguyên.
- (30) Trích *Bổ chí*, sdd, phần Lĩnh Nam đạo, quyển 8, tờ 21, 22.
- (31) Nguyên văn tiêu đề “唐天寶初殘地志” có nghĩa là “*Địa chí còn sót thời đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường*” [Tiêu đề này còn vài cách gọi khác nữa].
- (32) 敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲榮 著 - 鄭宜秀 整理, 上海古籍出版社, 1993. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, Trung Hoa học thuật tùng thư, Vương Trọng Lạc trứ, Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1993. Sách này tập hợp 14 sách phương chí-địa lý tàn khuyết, phần *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích*, gồm 75 trang.
- (33) *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, sdd, trang 57. Trong đoạn văn này có hai điểm cần lưu ý: 1) Các chữ hạ, trung trong ngoặc vuông [下] [中], chỉ thứ hạng của châu, huyện xem chú thích số 57 (bên dưới); 2) Các chữ thiên trong ngoặc vuông [千] ngỡ là sai từ chữ hộ 戶, hoặc viết đúng nhưng thuộc một quy ước hành chánh nào đó mà tôi chưa hiểu tới, xét thấy tổng số hộ này chênh lệch [nhiều hơn] một ít so với số hộ trong niên hiệu Khai Nguyên mà sau này *Thái Bình hoàn vũ ký* ghi nhận, tạm dịch là hộ, chờ xét thêm.
- (34) Xem Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí đã dẫn, tr. 44- 88.

- (35) *Nguyên Phong cứu vực chí*, 10 quyển, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự thứ 8 (1882), [元豐九域志, 十卷, 光緒八年五月, 金陵書局刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 儿 5-135 [10 quyển, đóng thành 4 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tứ khố toàn thư], Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1984, bản này bổ thêm bộ phận *Tân Định cứu vực chí*, gồm các điều mục về cổ tích.
- (36) *Nguyên Phong cứu vực chí*, sdd, tờ 1, bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các, không có bài Biểu dâng sách của Vương Tồn, tuy nhiên nhóm Kỷ Quân [Tổng tài Tứ khố toàn thư] có dẫn lại bài biểu này trong phần *Đề yếu Nguyên Phong cứu vực chí*.
- (37) *Nguyên Phong cứu vực chí*, sdd, phần Mục lục, tờ 1-3, bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các không có phần Mục lục.
- (38) *Tổng sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 7, tr. 2.043-2.045. Lược thuật theo bài “Tổng luận Địa lý chí”.
- (39) Nguyên văn chép *nhất thù nhị* [một đáng là hai], chữ *nhị* theo dưới chữ *thù* lại khắc kiểu đặc biệt, gồm chữ *nhị* + *bản* [二本], chữ *nhị* này không có trong bộ gõ tiếng Hán Hanosoft 3.0, nên ở phần nguyên văn tôi thay bằng chữ 弌. Như tình hình đã nêu, con số “115 dặm” ngay dưới đã chỉnh đổi [thù] là “225 dặm”. Đây là những cải đổi của Phùng Tập Ngô, cho biết có bản đã chép khác, và nhóm thực hiện bản in Kim Lăng đã giữ lại. Để bản dịch Việt văn rõ và tiện đọc, tôi chỉ dựa vào con số đã chỉnh đổi. [Xem thêm chú thích 43].
- (40) Theo dõi chú thích trên, nguyên văn *tam thù nhị bách ngũ thập lý*, dịch là 250 dặm.
- (41) Theo dõi chú thích trên, nguyên văn *tam thù nhị bách tứ thập*, dịch là 240 (hộ).
- (42) Nguyên văn viết “Cao lương khương”, là tên một loại cây thân thảo, sống lâu năm, rễ cây này gần giống củ gừng [khương], dai, chắc, dùng để bện mũ trụ. Không rõ số thuế 5 cân này tính trên mỗi hộ hay mỗi nhân khẩu.
- (43) Phần hiệu khảm cuối quyển 9 viết “Tiền bản tác nhất hương” [bản của họ Tiền chép là 1 hương], Tiền bản tức bản in *Nguyên Phong cứu vực chí* thời Tống còn giữ tại Thư viện tư gia Tiền Tuân Vương 錢遵王, nhóm Ngô Lan Đình 吳蘭庭 khi tổ chức thực hiện bản in Kim Lăng đã dựa theo bản của Phùng Tập Ngô 馮集梧 bổ sung và hiệu khảm [đã in vào năm 1788]. Phùng Tập Ngô đã sử dụng bản nhà họ Tiền và nhiều bản khác để đối chiếu.
- (44) Câu văn này xét thấy thiếu chủ ngữ, không rõ di tích nào được đổi tên.
- (45) Bản in Kim Lăng không chép mục Cổ tích, đây là tôi thêm vào dựa vào bản Văn Uyên Các [viết tắt là bản Các], quyển 9, tờ 59. So sánh bản Kim Lăng và bản Các, thấy bản Các không chép phần lịch sử diễn cách sau *Châu Nhai quân* và *Trấn nhị* [lưu ý ở phần chữ Hán bằng dấu (*) cuối câu], không có chữ [thù] mà chép thẳng con số giống như bản dịch Việt văn, bản Các thêm mục Cổ tích [nhưng không hoàn chỉnh].
- (46) Nguyên văn gõ lại theo bản in Kim Lăng, *Nguyên Phong cứu vực chí*, quyển 9, tờ 30. Trong bài viết trước đây đăng trên báo *Tuổi trẻ cuối tuần*, số ra ngày 24/10/2010 [chú thích 1], tôi đã khảo sát nhầm một chi tiết ở quyển 10, tờ 3-4, nội dung này cũng viết về châu Nhai nhưng lại nói về 3 huyện bị cắt nhập vào châu Quỳnh, đưa đến việc nêu sai tên huyện cực nam, là Mạ Viễn, đúng phải là trấn Lâm Xuyên. Nhân qua bài viết này, tôi xin đính chính chi tiết bị sai trên báo *Tuổi trẻ cuối tuần* và xin cáo lỗi với độc giả.
- (47) *Thái Bình hoàn vũ ký* có nhiều bản in, trong bài viết này tôi căn cứ vào hai bản: 1) Bản in của Vạn Đình Lan 萬廷蘭 với lời Tựa của Hồng Lượng Cát 洪亮吉 viết năm Gia Khánh thứ 8 (1803), lời Tựa của Trần Lan Sâm 陳蘭森 viết năm Càn Long Quý Sửu (1793), lời Phàm lệ của Vạn Đình Lan, bài Biểu dâng sách của Nhạc Sử, lời Hậu tự của Vạn Đình Lan viết năm 1793. Trong số các lời/tựa trên, riêng có lời Tựa của Hồng Lượng Cát mang tiêu đề “Trùng hiệu san Thái Bình hoàn vũ ký tự/重校刊太平寰宇記序”, cuối bài đề năm Gia Khánh thứ 8, có thể dựa vào đây tạm xác định bản này in năm 1803, (gọi bản này là bản Vạn); 2) Bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882) [光緒八年五月金陵書局刊行] (gọi là bản Kim Lăng). Ngoài ra, độc giả có thể tham khảo bản in năm 1983 của Đài Loan thương vụ ấn thư quán [ảnh ấn từ bản Văn

- Uyên Các (thuộc Tứ khối toàn thư)]. Còn nữa, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán-Nôm Việt Nam có một bản chép tay *Thái Bình hoàn vũ ký*, ở dạng trích lục, ký hiệu VHv -1282.
- (48) Phần đề yếu về *Thái Bình hoàn vũ ký* trong Tứ khối toàn thư ghi theo số quyển hiện còn là 197 quyển. Các quyển từ 113 đến 119 bị mất, chép về một phần đạo Tây Giang Nam. Trong nội dung 197 quyển hiện còn cũng có nhiều chi tiết sót mẻ.
- (49) *Tống sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1, Lời dẫn. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 7, tr. 2.094.
- (50) Đạo Lĩnh Nam 14, gồm các châu: Giao, Phong; Đạo Lĩnh Nam 15, gồm các châu: Ái, Hoan, Lục, Phước Lộc, Trường, Vũ Nga, Việt, Chi, Thang, Diễn, Lâm, Cảnh, Lung, Hoàn, Đức Hóa, Lang Mang, Long Vũ. [第百七十, 嶺南道十四: 交州, 峯州 – 第百七十一, 嶺南道十五: 愛州, 驩州, 陸州, 福祿州, 長州, 武峩州, 粵州, 芝州, 湯州, 濱州, 林州, 景州, 籠州, 環州, 德化州, 郎茫州, 龍武州].
- (51) Chép *châu Nhai mới* để phân biệt với *châu Nhai cũ* vốn có địa bàn rộng hơn, đã cắt 3 huyện Xá Thành, Trùng Mai, Văn Xương cho thuộc vào châu Quỳnh. [Xem bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 12, Cựu Nhai Châu].
- (52) Phong tục chép ở phần châu Quỳnh khá dài, đọc thấy không có điểm liên quan đến chủ đề này, tôi sẽ dịch vào dịp khác.
- (53) Các chữ có dấu sao (*) do tôi hiệu khám nội dung nguyên văn, so với bản Kim Lăng, bản Vạn (1803) thiếu chữ Đường 唐, Lâm Xuyên 臨川 viết sai là Lâm Cơ 臨機, không có 2 chữ Khuyết 缺.
- (54) Nguyên văn gõ lại theo bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 15-17.
- (55) *Dư địa quảng ký*, 38 quyển, Kim Lăng thư cục hiệu san năm Quang Tự thứ 6 (1880) [輿地廣記, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 几 5-137 [38 quyển, đóng thành 4 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của tác giả Âu Dương Văn đề năm Chính Hòa, lời tựa cho lần khắc in năm Gia Khánh Nhâm Thân (1812) của Hoàng Phi Liệt 黃丕烈. Theo Hoàng Phi Liệt thì đây là bản truyền từ thời Tống, Thuần Hữu Canh Tuất (1250). Được biết sau này còn có bản in *Dư địa quảng ký* do Tôn Tinh Hoa 孫星華 hiệu khám, Quảng Nhã thư cục xuất bản năm Quang Tự thứ 25 (1899), ngoài ra còn nhiều bản *Dư địa quảng ký* in chung trong các tùng thư: Tứ khối toàn thư, Võ Anh Điện tự trân bản thư (Thanh), Tùng thư tập thành sơ biên, Quốc học cơ bản tùng thư (Dân Quốc).
- (56) Theo khảo sát của Hách Thụy Bình 郝瑞平 trong *Trung Quốc đại thư điển* (1994), trang 466.
- (57) Nguyên văn viết “Đồng hạ châu” trước khi chép tên quân Châu Nhai, đây là quy ước về quản lý hành chính thời Đường Tống, là dấu hiệu cho biết tình hình đất đai, dân số và kinh tế của phủ, châu, quân, giám, huyện. Thời Đường chia huyện thành 7 bậc: Xích 赤, Kỳ 畿, Vọng 望, Khẩn 緊, Thượng 上, Trung 中, Hạ 下, trong đó Xích để gọi huyện ngay nơi đặt kinh đô, Kỳ để gọi các huyện quanh kinh đô, 5 bậc còn lại là đẳng cấp ứng dụng cho các huyện toàn quốc. Đại khái, có lúc quy định huyện có hơn 3.000 hộ thì ghi chữ Vọng, sau lại tăng lên là hơn 4.000 hộ, từ cơ sở bậc Vọng hạ dần xuống bậc Hạ. Quân Châu Nhai trước đây là châu đổi thành quân, quân tuy đẳng cấp thấp hơn châu nhưng cả hai đều trực thuộc lộ, về tình hình chung, quân này thuộc đẳng cấp “ngang với châu cấp thấp [nhất]”.
- (58) *Dư địa quảng ký*, sđd, quyển 37, lộ Tây Quảng Nam, tờ 8.
- (59) *Dư địa kỷ thắng*, mục lục 200 quyển, hiện còn 169 quyển. Bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyển Lâu, năm Đạo Quang thứ 29 (1849) [輿地紀勝, 道光二十九年秋八月懼盈齋刊板文選樓影宋鈔本]. Tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 几 5-3386 [200 quyển đóng thành 64 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của Đại học sĩ Nguyễn Nguyên 阮元 đề năm Đạo Quang Kỷ Dậu (1849), lời Tựa của Lý Thực 李埴 đề năm Bảo Khánh Đinh Hợi (1227), lời Tựa của tác giả Vương Tượng Chi đề năm Gia Định Tân Tỵ (1221) và trích lục một số nhận xét về *Dư địa kỷ thắng* từ các sách khác. Ngoài ra, được biết có bản ảnh ấn *Dư địa kỷ thắng* từ bản Việt Nhã Đường tùng thư do Văn Hải xuất bản xã, Đài Bắc, 1971.
- (60) *Quỳnh quân chí* được dẫn trong *Dư địa kỷ thắng* hiện không còn, theo tên sách, chữ *Quỳnh quân* được viết tắt từ tên cơ quan “Quỳnh quân an phủ đô giám”, cơ quan này thấy được đề cập trong *Dư địa kỷ thắng*, mục diên cách châu Quỳnh [quyển 124, tờ 3], đoạn văn này viết

là năm Tuyên Hòa thứ 5 (1123), đổi cơ quan “Thủy lục chuyển vận sự” của 3 châu Đàm, Nhai, Vạn An thành “Quỳnh quân an phủ đồ giám”, quản lý 3 quân Xương Hóa, Vạn An, Cát Dương. Qua chi tiết này có thể phỏng định *Quỳnh quân chí* được viết trước *Dư địa kỷ thắng* gần 100 năm.

- (61) Ô Lý, Tô Mật, Cát Lăng, những địa danh này có lẽ được phiên âm từ tên các đảo Burias [nay phiên là Bồ Lý Á Tư], Sulu [nay phiên là Tô Lộc], Kota Baru [nay phiên là Cát Lan Đan].
- (62) *Dư địa kỷ thắng*, sdd, quyển 127, Quảng Nam Tây lộ, Cát Dương quân, tờ 2-3.
- (63) *Dư địa kỷ thắng*, sdd, quyển 124, Quảng Nam Tây lộ, Quỳnh Châu, Cảnh vật hạ, tờ 9.
- (64) *Phương dư thắng lãm*, độc giả có thể tham khảo các bản in: *Phương dư thắng lãm*, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, ảnh ấn từ bản Văn Uyên Các [Tứ khối], 1983, tái bản 1991; *Tổng bản Phương dư thắng lãm*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, ảnh ấn bản Tổng (Hàm Thuận), 1986.
- (65) Theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, quyển 10, phần Sử bộ, quyển 5, tờ 5a [bản in Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1991].
- (66) *Thiên hạ nhất thống chí*, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461). [天下一統志, 天順五年, 萬壽堂刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 几 5-2698. Quyển đầu gồm Tựa/biểu, địa đồ và mục lục, mở đầu là lời Tựa của Chu Kỳ Trấn (Anh Tông)/Ngự chế Thiên hạ nhất thống chí tự”, bài Biểu dâng sách của Lý Hiến đề năm Thiên Thuận thứ 5 (1461). Được biết cùng một bộ này có 5 bản in, đều trong thời Minh: 1) Nội phủ khắc bản, Thiên Thuận thứ 5 (1461); 2) Thận Độc Thư Trai khắc bản, Hoằng Trị thứ 18 (1505); 3) Thư Lâm Dương Thị Quy Nhân Trai khắc bản, Gia Tĩnh thứ 38 (1559); 4) Dương Thị Quy Nhân Trai khắc bản, Vạn Lịch thứ 16 (1588); 5) Bản Vạn Thọ Đường mà chúng tôi khảo sát. Ngoài ra, còn một bản khắc in tại Nhật Bản vào năm Nguyên Lộc 元祿 thứ 12 (1699).
- (67) *Thiên hạ nhất thống chí*, sdd, quyển thủ, phần địa đồ.
- (68) *Thiên hạ nhất thống chí*, sdd, Quảng Đông Bố Chánh Ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 17.
- (69) *Thiên hạ nhất thống chí*, sdd, Quảng Đông Bố Chánh Ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 19.
- (70) *Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu* 皇明一統紀要, 15 quyển, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch, sách này khá hiếm, không thấy các sách thư mục Trung Quốc ghi nhận, tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 几 5-1328 [15 quyển đóng thành 14 cuốn].
- (71) *Quảng dư ký*, 24 quyển và 1 quyển thủ, do chưa tìm được bản in Vạn Lịch, tôi tham khảo bản in năm Khang Hy Bính Dần (1686), bản này cũng có nơi đề tên sách là *Tăng đính Quảng dư ký*.
- (72) *Quảng dư đồ* 廣輿圖, được in 6 lần trong thời Minh, vào các năm 1558, 1561, 1564, 1566, 1572, 1579 và nhiều lần trong thời Thanh nên khá phổ biến. Địa đồ này do La Hồng Tiên (1504-1567) kế thừa thành quả của Chu Tư Bản (1273-1333). Tôi sẽ trình bày vấn đề này kỹ hơn trong chuyên khảo về tư liệu địa đồ cổ Trung Hoa.
- (73) Trước các bộ đang lưu hành, có 9 bản cảo *Đại Thanh nhất thống chí*, không phân quyển mà phân theo tỉnh, do Tưởng Đình Tích và Vương An Quốc chủ trì thực hiện thời Càn Long, hiện tồn ở dạng bản chép tay, gọi là Nội phủ sao bản, 9 bản đều không hoàn chỉnh, không đủ số tỉnh trong toàn quốc.
- (74) Bản *Đại Thanh nhất thống chí* 356 quyển này, theo khảo tả của Trương Cách Phi 廣輿圖 là 342 quyển [Trung Quốc đại thư điển, tr. 479]. Theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd thì có 356 quyển, hiện có 2 bản in: 1) Nội phủ khắc bản, Càn Long thứ 9 (1744); 2) Bản in chữ rời do Tiết Tử Du hiệu điểm, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).
- (75) *Khâm định Đại Thanh nhất thống chí*, 424 quyển, theo khảo tả của Trương Cách Phi là 500 quyển [Trung Quốc đại thư điển, tr. 479]. Bản in Hồng Bảo Trai trong niên hiệu Quang Tự (1875-1908) theo bản Võ Anh Điện mà tôi tham khảo chỉ có 424 quyển và 2 quyển mục lục, Quảng Đông tỉnh, quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ, quyển 350. Ngoài bản Hồng Bảo Trai, bộ này còn 2 bản chép tay của Nội phủ triều Càn Long, và một bản khắc in của Nội phủ năm Càn Long thứ 55 (1790). Quảng Đông tỉnh, quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ, quyển 350.

- (76) *Gia Khánh trùng tu Đại Thanh nhất thống chí* hay còn gọi *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* 560 quyển, [Trương Cách Phi ghi sai là 650 quyển], tham khảo bản in của Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1966 [tái bản từ bản Thượng Hải Hàm Phân Lâu, bản chép tay này được ghi là bản dùng để dâng lên vua, lưu trữ tại Thanh Sử Quán. Có bài “Ngự chế *Đại Thanh nhất thống chí* tự” của Hoàng đế Đạo Quang để năm 1842, bài Biểu dâng sách của Tổng tài Quốc Sử Quán Đại học sĩ Mục Chương A. Ngoài bản in năm Đạo Quang thứ 22 (1842) đang lưu hành, theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục* mô tả còn có một bản chép; theo *Tăng đính Tứ khố giản minh mục lục tiêu chú* [Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương soạn thêm, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1959, 1963, 1979, 2000] mô tả thì còn một bản chép không đủ (chỉ có 230 quyển) của thư viện Mộc Trì Hiền nhà họ Lý.
- (77) Đài Thương, viết tắt của Đài Loan thương vụ ấn thư quán.
- (78) *Thông chí*, chỉ *Quảng Đông thông chí*, sẽ đề cập ở phần viết về Thông chí.
- (79) Nguyên văn đoạn này trong bản *Khâm định Đại Thanh nhất thống chí*, 424 quyển [quyển 350, tờ 11] có khác vài chỗ, trích để đối chiếu tham khảo: “七星山, 在文昌縣北, 輿地紀勝在文昌縣有七峰亦名七洲洋山, 通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉, 航海者必於此取水採薪. 明天啟時建塔其上, 其東有泉七孔, 晝夜混混不涸”
- (80) Ghi chép cụ thể về các vùng đất nhỏ như bãi Đại Mạo thông thường địa phương chỉ chép chi tiết hơn tổng chí, nhưng trong *Quyển Châu phủ chí* lại chép vắn tắt hơn *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí*, độc giả có thể liên hệ chi tiết này trong bài “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông (Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu với *Đại Nam thực lục*” của Phạm Hoàng Quân, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 2(85), 2011, tr. 69.

TÓM TẮT

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, phương chí là loại sách lịch sử địa lý chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về sông núi thành trấn, đường sá thủy bộ, các dữ liệu về kinh tế, văn hóa, nhân vật... Vì thế, phương chí đóng vai trò rất quan trọng trong việc tìm hiểu về cương vực của Trung Quốc với các nước có đường biên giới lân cận trong lịch sử.

Khảo chứng các loại phương chí được biên soạn từ thời nhà Đường cho đến nhà Thanh cho thấy cương vực, không gian vùng biển phía cực nam của Trung Quốc chưa bao giờ vượt quá huyện Nhai của tỉnh Hải Nam ngày nay. Riêng việc xác định chủ quyền trong lịch sử đối với các nơi trên biển Đông, hoàn toàn không có một sự ghi nhận nào trong các loại phương chí lẫn chính sử thể hiện sự quản lý hành chính của các triều đại Trung Hoa đối với Tây Sa và Nam Sa, là những nơi mà trong các loại thư tịch đồng dạng, Việt Nam đã ghi nhận bằng tên Hoàng Sa và Trường Sa.

ABSTRACT

SUM-UP OF NOTES CONCERNING THE EAST SEA (VIETNAM) IN CHINESE GEOGRAPHIC HISTORY BOOKS

In the ancient bibliographic treasure of China, geographic history books contain encyclopedic information relating to administrative divisions, process of changing geographical names, land separation and combination, rivers and mountains, cities and towns, roads and waterways, data of economy, culture and personalities, etc... So they plays a very important role in learning about the borders of China and its neighboring countries in history.

Evidences from various geographic history books compiled from the Tang Dynasty to the Qing Dynasty show that the maritime boundary in southernmost China has never been beyond Nhavi district of Hainan province. Particularly, about the determination of sovereignty on the East Coast, there hasn't been any recognition of Chinese control over Tây Sa and Nam Sa, or Hoàng Sa and Trường Sa (Paracel islands and Spratly islands) called by similar Vietnamese books, found in both geographic history books and other history records of China.